

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 08/5/2018

V/v "Ly hôn":

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thùy Linh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Dũng  
Bà Lê Thị Thận
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* ông Lương Xuân Duyên, chức vụ  
kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 305/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 20/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Điều Thị P; Sinh năm 1989  
Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Điều N ; Sinh năm 1987  
Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.  
*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*

**TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2017, quá trình thụ lý vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Điều Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Điều Thị P và anh Điều N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống không mấy hạnh phúc nhưng chị vẫn cố gắng, đến đầu năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh Nh có quan hệ ngoại tình, rồi thường xuyên nhậu nhẹt say sưa về đánh

đập chị, không quan đến cuộc sống gia đình; về cả kinh tế và tình cảm vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau; đến năm 2015 thì anh N đánh, đuổi chị ra khỏi nhà và anh, chị sống ly thân từ 2015. Trong năm 2015 chị P có quay về chung sống nhưng không được bao lâu, anh Nh vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên đánh đập chị nên cũng trong năm 2015 chị và anh N đã sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay, chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Điều N.

Về con chung: Có 02 con chung là Điều Thị Huyền T, sinh năm 2008; Điều Hoàng A, sinh năm 2012. Nguyên vọng của chị P sau khi ly hôn là giao cả 02 con chung cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; vì bản thân chị hiện nay không có nhà ở, phải đi làm thuê ở xa, công việc, thu nhập không ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ khi nộp đơn khởi kiện phía chị P giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn ngày 21/6/2017; Trích lục khai sinh cháu Điều Hoàng A; Trích lục khai sinh cháu Điều Thị Huyền T; ngoài ra chị P không giao nộp gì thêm.

*Bị đơn anh Điều N qua lời khai trình bày:* Anh N xác nhận hôn nhân giữa anh và chị P là đúng, anh chị chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng lâu lâu cũng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra xô xát, nguyên nhân không thống nhất trong kinh tế của gia đình, lúc cãi vã do tính tình nóng nảy nên anh N có tát chị P vài cái. Vì vậy, chị P đã về nhà bố mẹ của chị P ở từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian qua anh N có đến nhà ngoại tìn nhưng không thấy chị P đâu. Quá trình sống ly thân thì vợ chồng cũng có cho nhau cơ hội nhưng chị P vẫn không quay về. Nay anh N mong muốn vợ bỏ qua quay về chung sống để lo cho con chung, vì vậy không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 02 con chung là Điều Thị Huyền T, sinh năm 2008; Điều Hoàng A, sinh năm 2012. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P anh N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Phía anh Nh đã nhận thông báo thụ lý vụ án và trong quá trình thụ lý vụ án đến nay anh Nh không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P giữ nguyên phần trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Điều N.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào các Điều 51,56,81,82,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P; về quan hệ hôn nhân chị Điều Thị P được ly hôn với anh Điều N; về con chung giao cả hai cháu Điều Thị Huyền T và cháu Điều Hoàng A cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điều Thị P và anh Điều N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đối chiếu với bản trích lục kết hôn do chị P giao nộp hợp pháp tại Tòa án; căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị P và anh Điều N là hợp pháp

Về mâu thuẫn gia đình: Chị P và anh N đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Do không thể tiếp tục chung sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân anh chị cũng có sự cố gắng để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả; phía anh Nh mong muốn chị P bỏ qua mâu thuẫn để quay về chung sống, phía chị P không đồng ý trở lại đoàn tụ mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Qua lời khai của người làm chứng anh Phạm Văn Long là Công an thường trực xã Đ cho biết vợ chồng anh Nh kết hôn và sinh sống tại thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Quá trình anh N chị P sinh sống tại địa phương thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Công an xã đã nhiều lần lập biên bản về việc vợ chồng anh N chị P xô xát, anh Nh đã bị Công an xã xử phạt hành chính về việc đánh đập vợ là chị P, không thể tiếp tục chung sống cùng anh Nh nên chị P đã về nhà bố mẹ ruột để sinh sống.

Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị P có 02 con chung là cháu Điều Thị Huyền T, sinh năm 2008; Điều Hoàng A, sinh năm 2012. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã làm việc với cháu Điều Thị Huyền T, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa chị P vẫn yêu cầu để cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu bởi hiện nay chị P không có chỗ ở, công việc, thu nhập không ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, trong thời gian ly thân vừa qua các cháu ở với anh N vẫn bảo đảm việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Qua lời khai thì anh N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con; để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt cần chấp nhận yêu cầu của chị P và anh N; giao các cháu là Điều Thị Huyền T, sinh năm 2008; Điều Hoàng A, sinh năm 2012 cho anh Điều N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Điều Thị P phải nộp theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Điều Thị P được ly hôn với anh Điều N.

[2]. Về con chung: Giao các cháu Điều Thị Huyền T, sinh năm 2008; Điều Hoàng A, sinh năm 2012 cho anh Điều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên ( đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được thực hiện theo các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Điều Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn chị P đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021559 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Bù Đăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Thùy Linh**

*Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN BÙ ĐĂNG**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng và bà Lê Thị Thận

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 305/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 20/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Điều Thị P; Sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Anh Điều Nh ; Sinh năm 1987

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Điều Thị P được ly hôn với anh Điều Nh. ( Kết quả biểu quyết 3/3).

[2]. Về con chung: Giao các cháu Điều Thị Huyền Thảo, sinh năm 2008; Điều Hoàng Anh, sinh năm 2012 cho anh Điều Nh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên ( đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được thực hiện theo các quy định tại Điều 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. ( Kết quả biểu quyết 3/3).

[3]. Về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có. ( Kết quả biểu quyết 3/3).

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Điều Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà nguyên đơn chị P đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021559 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

( Kết quả biểu quyết 3/3).

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

( Kết quả biểu quyết 3/3).

Việc nghị án kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*